

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 77/2024/HS-ST
Ngày: 30-12-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Công.

2. Ông Lê Đức Lam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Tiến; Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Duy Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2024/HSST ngày 21/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HS ngày 24/10/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Tâm Đ; Tên gọi khác: Cò; Giới tính: Nam; sinh ngày 29/4/1997, tại Lâm Đồng; Nơi thường trú: thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1965 và con bà Trần Thị S, sinh năm 1972, trú tại: thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; A, em ruột: Có 02 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001, bị can là con thứ 2 trong gia đình; Vợ: Vũ Thị Quỳnh N, sinh năm 1997; Con: có 02 người, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án: Bản án số 80/2021/HSST ngày 27/12/2021, Nguyễn Tâm Đ bị Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” và phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ, bị can đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng chưa đóng tiền phạt bổ sung và án phí, hiện nay chưa được xóa án tích; Tiền sự: không; Nhân thân: bản án số 17/2016/HSST ngày 26/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xử phạt Nguyễn Tâm Đ 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/01/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ cho đến nay. Có mặt.

2. Họ tên: [Nguyễn Thành C](#); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 10/11/1985, tại Lâm Đồng; Hộ khẩu thường trú: [thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông [Nguyễn Văn H](#), sinh năm 1955 và con bà [Nguyễn Thị L](#), sinh năm 1960, trú tại: [thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#); [A](#), chị, em ruột: Có 02 người lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1988, bị can là con thứ 2 trong gia đình; Vợ: [Nguyễn Vương Thị Thái H1](#), sinh năm 1985; Con: có 03 người, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại tại [thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#). Có mặt.

3. Họ tên: [Nguyễn Minh Đ1](#); Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 01/7/2006, tại Lâm Đồng; Hộ khẩu thường trú: [thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: phụ xe; Con ông [Nguyễn Công C1](#), sinh năm 1985 và con bà [Nguyễn Thị L1](#), sinh năm 1986, trú tại: [thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#); [A](#), chị, em ruột: Có 01 người sinh năm 2005, bị can là con út trong gia đình; Vợ: không; Con: không; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 07/12/2023, [Nguyễn Minh Đ1](#) bị Toà án nhân dân huyện Đơn Dương xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo hiện đang chấp hành bản án số 66/2023/HS-ST, ngày 07/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Đơn Dương từ ngày 20/9/2023 tại [Trại giam A](#), được trích xuất về tạm giam tại Nhà tạm giữ [Công an huyện Đ](#). Có mặt.

- *Người bào chữa cho* [Nguyễn Minh Đ1](#): Bà [Dương Thị H2](#), sinh năm 1988 và ông [Phạm Công V](#), sinh năm 1963 - Trợ giúp viên pháp lý của [Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L](#); Địa chỉ: [Tầng A \(khối E tầng\), Trung tâm Hành chính tỉnh L, số C đường T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng](#). Bà [H2](#) có mặt, ông [V](#) vắng mặt.

- *Bị hại*: Bà [Tou Prong L2](#), sinh năm 1970; Nơi cư trú: [thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#). Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông [Tou Prong H3](#), sinh năm 1987; Nơi cư trú: [thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà [Tou Prong L3](#) và [Nguyễn Thành C](#) nên vào ngày 25/4/2023, [C](#) đưa cho [T1](#) Prong [H3](#) là người môi giới số tiền 450.000.000đ để đặt cọc cho bà [L3](#) mua thửa đất số 1289 của bà [L3](#) tại [thôn K, xã K, huyện Đ](#). Trong quá trình mua bán thì gặp khó khăn về thủ tục giấy tờ nên [C](#) không đồng ý mua thửa đất của bà [L3](#) nữa nên [C](#) yêu cầu bà [L3](#) trả lại tiền cọc đã nhận của [C](#). Do số tiền nhận cọc của [C](#) bà [L3](#) đã sử dụng vào mục đích cá nhân nên không có tiền trả cho [C](#). Vì vậy, ngày 11/9/2023, [C](#) nhờ [Nguyễn Tâm Đ](#) giúp mình lấy số tiền từ bà [T2](#) Prong Loan thì [Đ](#) đồng ý, giữa [C](#)

và D tự hiểu với nhau là sau khi đòi được nợ thì C sẽ cho D số tiền gọi là tiền công nhưng cụ thể là bao nhiêu thì không nói. Lúc này do có Nguyễn Minh Đ1 đang chơi ở nhà D nên D rủ Đ1 đi vào nhà bà L3 cùng mình thì Đ1 đồng ý. Sau đó C cùng D, Đ1 và H3 đến nhà bà L3. Tại đây C và D có những lời nói đe dọa, chửi bới, ép buộc bà L3 trả tiền cho mình. Khi C, H3 và Đ1 đi ra ngoài thì D dùng tay trái nắm tóc, rồi dùng tay phải tát 2-3 cái vào mặt của bà L3, bà L3 hét lên thì Đ1 và C chạy vào thì D đi ra xe của C lấy giấy bút rồi vào nhà ép buộc bà L3 phải viết giấy nhận nợ và hẹn vào ngày 19/9/2023 phải trả toàn bộ số tiền 450.000.000đ. Do sợ bị đánh nên bà L3 đã viết giấy nhận nợ.

Đến ngày 19/9/2023, D nói Đ1 chạy vào nhà bà L3 để lấy tiền thì không có bà L3 ở nhà, nên Đ1 đi về. Đến sáng ngày, 20/9/2024, khi đã quá hạn trả nợ cho D thì bà L3 nhờ Nguyễn Duy P đứng ra để khát nợ và trả nợ dần. Bà L3 hẹn D đến quán cà phê gần nhà D ở thôn N - K - Đ để nói chuyện, khát nợ; khi thấy bà L3 đến quán cà phê thì D gọi điện thoại báo cho Đ1 biết và nói với Đ1 khi đến thì tát bà L3 một cái cảnh cáo để bà L3 sợ và trả nợ, yêu cầu không được đánh bà L3 nhiều. Trong lúc bà L3 và D đang ngồi nói chuyện, bà L3 yêu cầu được trả nợ dần từng tháng thì D không đồng ý, Đ1 đi đến phía sau bà L3 dùng tay tát mạnh vào mặt bà L3 một cái để đe dọa, làm bà L3 sợ để trả nợ. Sau đó bà Toué Prong L3 đã trình báo đến cơ quan công an huyện Đ.

Cáo trạng số 68/CT-VKSDD ngày 27/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương truy tố các bị can Nguyễn Tâm Đ, Nguyễn Thành C, Nguyễn Minh Đ1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tâm Đ, Nguyễn Thành C, Nguyễn Minh Đ1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tâm Đ từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ1 từ 03 đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù theo bản án số 66/2024/HS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng của Nguyễn Tâm Đ; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen của Nguyễn Minh Đ1.

Bị cáo D không khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận:

Vào sáng ngày 11/9/2023, Nguyễn Thành C có gọi điện nhờ D chạy vào đập tràn K’răng C2 lấy giùm anh C ít tiền. Bị cáo D rủ Đ1 cùng đi, khi đến thì

anh [C](#) ra đón vào nhà bà [L3](#), gặp anh [H3](#), bà [L3](#). Tại đây, anh [C](#), anh [H3](#) nói chuyện với bà [L3](#) về việc trả nợ cho anh [C](#) và chuyển giấy đặt cọc, nhận nợ 450.000.000đ qua cho [Đ](#), lúc này bà [L3](#) không đồng ý. Sau đó bị cáo [Đ](#) làm việc trực tiếp với bà [L3](#), [Đ](#) có lời nói đe dọa, chửi bới nhằm mục đích bà [L3](#) lo sợ và trả nợ. Do bà [L3](#) không đồng ý, [Đ](#) dùng tay tát mạnh vào mặt bà [L3](#) 2-3 cái, khi tát thì anh [C](#), anh [Đ1](#) đứng ở ngoài, khi bà [L3](#) hét lên và khóc thì mới chạy vào, anh [C](#) nói bà [L3](#) viết giấy qua cho [Đ](#). Bị cáo [Đ](#) hỏi giấy bút thì anh [C](#) nói có rồi ra xe lấy giấy bút đưa cho [Đ](#), [Đ](#) nói bà [L3](#) viết giấy nhận nợ hẹn đến ngày 19/9/2023 phải trả. Sau khi bà [L3](#) viết xong, anh [H3](#) nói chuyện với bà [L3](#) rồi anh [H3](#) viết các nội dung chuyển nợ từ anh [H3](#) qua cho bị cáo [Đ](#) và [Đ](#) có trách nhiệm đòi. Sau đó đi về.

Ngày 19/9/2023, bà [L3](#) nhờ anh [P](#) gọi điện hẹn gặp [Đ](#) để thỏa thuận việc trả nợ tại quán cà phê ở [thôn N, xã K](#). Sáng ngày 20/9/2023, bị cáo [Đ](#) gọi cho [Đ1](#) nói ra quán cà phê vì có bà [L3](#) ở đây, đồng thời nói [Đ1](#) nếu có nóng thì tát 01 cái để bà sợ trả nợ. Sau đó bị cáo [Đ](#) đi đến quán cà phê gặp bà [L3](#) và nói chuyện, bà [L3](#) có xin trả dần nhưng [Đ](#) không chịu, [Đ](#) có lời nói đe dọa nhằm làm cho bà [L3](#) lo sợ, lúc này [Đ1](#) đến quán đi ra phía sau lưng bà [L3](#) và tát vào mặt bà [L3](#) 01 cái, sau đó được mọi người can ngăn.

Giữa bị cáo [Đ](#) và [C](#) không bàn bạc gì trước, [C](#) cũng không hứa hẹn sau khi đòi được sẽ cho tiền.

Bị cáo [Nguyễn Thành C](#) khai nhận:

Vào tháng 4/2022, [C](#) thỏa thuận mua đất của bà [L3](#), nhờ [H3](#) đứng tên đặt cọc, do bà [L3](#) viện nhiều lý do nên không làm sổ được, [C](#) yêu cầu bà [L3](#) trả lại tiền cọc là 450.000.000đ. Do nhiều lần hứa hẹn nhưng không trả nên có nói cho [Nguyễn Tâm Đ](#) biết. Ngày 11/9/2023, bà [L3](#) hẹn vào nhà bà để thỏa thuận việc trả tiền, [C](#) và [H3](#) đến có gặp bà [L3](#) nói chuyện nhưng bà [L3](#) nói chưa có tiền, nên [C](#) gọi cho [Đ](#) vào nhà bà [L3](#), mục đích nhờ [Đ](#) sau này lấy giùm vì bị cáo hay bận việc. Khi nhờ thì không hứa hẹn cụ thể thế nào, nhưng nghĩ đòi được thì sẽ cho tiền. Khi [Đ](#) và [Đ1](#) đến, [C](#) đưa các giấy tờ đặt cọc, giấy nhận nợ để bà [L3](#) cùng với [C](#), [Đ](#) xác nhận nợ và [C](#) cùng với [Đ](#) sẽ có trách nhiệm lấy lại tiền cọc, [H3](#) không liên quan gì nữa. Sau đó [C](#) có chửi bà [L3](#), [Đ](#) có những lời nói đe dọa, văng tục, chửi bới bà [L3](#) với giọng điệu lớn tiếng nhằm mục đích cho bà [L3](#) lo sợ và trả tiền nhưng bà [L3](#) vẫn không chịu trả. Sau đó [C](#), [H3](#) và [Đ1](#) đi ra trước sân, còn [Đ](#) trong nhà tiếp tục có những lời đe dọa. Khoảng 10 phút sau, [C](#) nghe thấy bà [L3](#) hét lên và khóc, [C](#) chạy vào thì biết [Đ](#) mới vừa đánh bà [L3](#). Lúc này [Đ](#) yêu cầu bà [L3](#) phải viết giấy nhận nợ qua cho [Đ](#) và hẹn sau 10 ngày phải trả. Lúc này [C](#) và [Đ1](#) đứng ở đó không can ngăn, Sau đó [Đ](#) hỏi [C](#) và cùng ra xe lấy giấy bút vào và ép buộc bà [L3](#) viết giấy nhận nợ, [Đ](#) là người đọc và buộc bà [L3](#) phải viết.

Ngày 20/9/2023 [C](#) không tham gia nhưng khi [Đ](#) gọi thì nói [Đ](#) cứ lấy đi.

Khi đi đòi nợ vào ngày 11/9/2023, giữa [C](#), [Đ](#) không có bàn bạc gì về việc gây áp lực cho bà [L3](#) mà do [Đ](#) tự nghĩ ra và thực hiện. Khi [Đ](#) ép buộc bà [L3](#) viết giấy nợ, [C](#) có nói với bà [L3](#) viết lại đúng theo nội dung như tờ giấy nợ cũ.

Bị cáo [Nguyễn Minh Đ1](#) khai nhận:

Ngày 11/9/2023, [Đ](#) rủ [Đ1](#) đi cùng, không nói đi làm gì. Khi đến K'răng Chơ thì gặp [C](#) dẫn vào nhà bà [L3](#). Anh [C](#) và [H3](#) nói chuyện với bà [L3](#) về việc trả

nợ tiền cọc và chuyển giấy đặc cọc, nhận nợ giữa [H3](#) với bà [L3](#) cho anh [Đ](#). Sau đó thấy anh [Đ](#) làm việc trực tiếp với bà [L3](#), lúc này thấy anh [C](#) và anh [Đ](#) có lời nói đe dọa, văng tục, chửi bới bà [L3](#). Thấy anh [C](#) cầm túi xách của bà [L3](#) chỉ vào mặt bà [L3](#) và có lời nói đe dọa, yêu cầu bà [L3](#) trả tiền. sau đó [Đ1](#) ra ngoài hiên, [C](#), [H3](#) ra ngoài sân. Khoảng 10 phút sau, [Đ1](#) nghe bà [L3](#) hét và khóc, [Đ1](#) chạy vào thấy vết bầm đỏ ở mặt bà [L3](#), biết [Đ](#) vừa đánh bà [L3](#). Sau đó anh [Đ](#) hỏi [C](#) và cùng ra xe lấy giấy bút vào đọc lại nội dung buộc bà [L3](#) viết lại giấy nhận nợ. Sau khi viết xong, anh [H3](#) viết nội dung chuyển nợ từ [H3](#) cho [Đ](#). Khi về đến nhà, anh [Đ](#) có nói khi đến ngày bà [L3](#) trả nợ, anh [C](#) cho tiền thì [Đ](#) sẽ cho lại [Đ1](#).

Sự việc vào sáng ngày 20/9/2023 thì như [Đ](#) đã khai.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo [Đ1](#) nhất trí về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ gồm: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội dưới 18 tuổi nên nhận thức về hậu quả của hành vi gây ra còn hạn chế, bị cáo là đồng phạm tham gia với vai trò thấp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện Đ](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện Đ](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 11/09/2023, tại nhà bà [Toué Prong L3](#) ở [thôn K, xã K, huyện Đ](#), [Nguyễn Tâm Đ](#), [Nguyễn Thành C](#) có lời lẽ đe dọa, chửi bới và [Đ](#) dùng tay tát nhiều cái vào mặt bà [L3](#) ép buộc bà [L3](#) viết giấy nhận nợ 450.000.000đ cho [Đ](#). [Nguyễn Minh Đ1](#) mặc dù biết [Đ](#) dùng vũ lực với bà [L3](#), ép bà [L3](#) viết giấy nhận nợ cho [Đ](#) nhưng không can ngăn. Vào ngày 20/09/2023, khi [Đ](#) gọi [Đ1](#) tới quán cà phê gặp bà [L3](#) thì [Đ1](#) đã dùng tay tát vào mặt bà [L3](#) để bà [L3](#) sợ phải trả nợ.

Như vậy, [Đ](#) đã có hành vi đe dọa và dùng tay tát bà [L3](#) nhiều cái với mục đích ép buộc bà [L3](#) phải viết giấy chuyển nợ từ [H3](#) sang cho [Đ](#) để [Đ](#) lấy số tiền 450.000.000đ cho [C](#). Đối với [Đ1](#) là người được [Đ](#) rủ đi đòi nợ, tại quán cà phê đã dùng tay tát bà [L3](#) một cái vào mặt với mục đích làm cho bà [L3](#) sợ phải trả tiền theo yêu cầu của [Đ](#).

Hành vi nêu trên của [Nguyễn Tâm Đ](#), [Nguyễn Minh Đ1](#) đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Đối với [Nguyễn Thành C](#), là người nhờ [Đ](#) đòi nợ, biết việc [Đ](#) đánh bà [L3](#), đồng thời là người đưa giấy bút cho [Đ](#) để [Đ](#) ép buộc bà [L3](#) viết giấy nhận nợ. Như vậy [C](#) có chung ý chí với [Đ](#) nhằm ép buộc bà [L3](#) viết giấy nhận nợ và trả nợ, nên [C](#) là đồng phạm với [Đ](#) về hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được bảo vệ bằng pháp luật hình sự. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực pháp luật, nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị hại nợ tiền nhưng không trả, cố tình lẩn tránh.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: [Nguyễn Tâm Đ](#) phạm tội khi chưa được xóa án tích và xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo [Nguyễn Tâm Đ](#), [Nguyễn Thành C](#), [Nguyễn Minh Đ1](#) đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho [Nguyễn Thành C](#) nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo [C](#). Bị cáo [Đ1](#) khi phạm tội là người chưa thành niên nên áp dụng Điều 91 Bộ luật Hình sự để xem xét.

[5] Về quyết định hình phạt: Hành vi của các bị cáo thể hiện coi thường pháp luật, nên cần xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội. Trong vụ án này, [Nguyễn Tâm Đ](#) với vai trò là chủ mưu, bị áp dụng nhiều tình tiết tăng nặng nên xử phạt cao hơn các bị cáo khác. [Nguyễn Minh Đ1](#) tham gia với vai trò là người thực hành, là vị thành niên phạm tội, tuy nhiên bị cáo đang trong thời gian bị điều tra về một tội phạm khác lại tiếp tục phạm tội, thể hiện xem thường pháp luật, nên cũng cần xem xét khi lượng hình. Cần cách ly các bị cáo [Đ](#), [Đ1](#) ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian cải tạo.

Đối với [Nguyễn Thành C](#) khi nhờ [Đ](#) đòi nợ giúp thì hai bên không bàn bạc gì trước, sau khi biết việc [Đ](#) đánh bà [L3](#), [C](#) đưa giấy bút cho [Đ](#) để [Đ](#) ép buộc bà [L3](#) viết giấy nhận nợ, là đồng phạm giản đơn, mức độ tham gia thấp. Tuy nhiên, cũng xuất phát từ ý muốn lấy lại tiền của mình do bà [L3](#) hèn nhiều lần không chịu trả, việc [C](#) phạm tội là do có lỗi của bị hại nên cần xem xét khi lượng hình.

Xét bị cáo [C](#) là dân lao động nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt cách ly ngoài xã hội, cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo đấu tranh phòng ngừa chung.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng của [Nguyễn Tâm Đ](#); 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen của [Nguyễn Minh Đ1](#). Đây là công cụ phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra [Nguyễn Thành C](#) đã bồi thường cho bà [L3](#) 1.000.000đ tiền thuốc men để điều trị vết thương, bà [L3](#) đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo [Nguyễn Tâm Đ](#), [Nguyễn Minh Đ1](#), [Nguyễn Thành C](#) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Tâm Đ](#) 08 ([T3](#)) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2024.

Áp dụng khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Minh Đ1](#) 03 (Ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù theo Bản án số 66/2024/HS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2023.

Áp dụng khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thành C](#) 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo [Nguyễn Thành C](#) cho [Ủy ban nhân dân xã L](#), [huyện Đ](#), [tỉnh Lâm Đồng](#) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng của [Nguyễn Tâm Đ](#); 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen của [Nguyễn Minh Đ1](#).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo [Nguyễn Tâm Đ](#), [Nguyễn Minh Đ1](#), [Nguyễn Thành C](#) mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Công

Lê Đức Lam

Phan Minh Dũng